TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐÔ LƯƠNG** **TỈNH NGHỆ AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:109/2023/HNGĐ-ST
Ngày 28 - 4 - 2023
V/v " Ly hôn và tranh chấp nuôi con chung"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔ LƯƠNG - TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán, Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Văn Nguyễn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Đương và bà Trần Thị Minh Hợi

- ***Thư ký phiên tòa*:** Bà Trần Thị Thùy Dung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đô Lương tham gia phiên tòa: Bà Xeo Thái Dịu - Kiểm sát viên

Ngày 28 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 17/2023/TLST - HNGĐ ngày 31 tháng 01 năm 2023 về việc: "Ly hôn và tranh chấp nuôi con chung" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2022/QĐXX- ST ngày 12/4/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa só 18/2023/QĐST-HNGĐ ngày 12/4/2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh T, sinh năm 1985; địa chỉ: Xóm 3, xã Đặng Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An. Có đơn xin xử vắng mặt

- Bị đơn: Chị M, sinh năm 1994; địa chỉ: Xóm 3, xã Đặng Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong Đơn xin ly hôn và bản tự khai ngày 02 tháng 02 năm 2023 của nguyên đơn anh T trình bày:

- Về quan hệ tình cảm: Anh T và chị M kết hôn vào ngày 19/3/2014 trên cơ sở tự nguyện và có tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đặng Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An. Sau khi cưới tình cảm vợ chồng bình thường. Một thời gian sau vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm. Đến giữa năm 2022 mâu thuẫn trở nên trầm trọng và

sống ly thân từ đó đến nay. Nay anh Thành xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh Thành đề nghị Tòa án nhân dân huyện Đô Lương giải quyết cho anh Thành được ly hôn với chị M.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là H, sinh ngày 22/9/2014 và cháu C, sinh ngày 14/12/2015. Hiện cháu Thanh Huyền và cháu Bảo Châu đang ở với anh Thành. Nay ly hôn anh Thành có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cả hai con chung và không yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản và các khoản nợ: Anh Thành không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn chị M được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không có mặt, do đó Tòa án không thu thập được lời khai của chị M và đã thực hiện việc xác minh tại UBND xã Đặng Sơn sự có mặt/vắng mặt tại nơi cư trú của chị Mơ theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đô Lương phát biểu ý kiến theo quy định tại điều 262 Bộ luật tố tụng dân sự như sau:

- Về tố tụng: Thẩm phán đã tuân thủ các quy định của bộ luật tố tụng dân sự trong việc thụ lý vụ án, thông báo thụ lý vụ án, xác định quan hệ tranh chấp cũng như thời hạn giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định về thành phần, nguyên tắc xét xử, trình tự tố tụng tại phiên tòa. Thư ký Tòa án thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành nghiêm chỉnh quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đây là lần triệu tập hợp lệ thứ hai nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do chính đáng, nguyên đơn có đơn xin xử vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt các đượng sự là đúng quy định tại điểm a,b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị áp dụng điều 28, 35, 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điều 51, 56, 81, 82, 84 Luật hôn nhân và gia đình:

Về tình cảm: Cho anh T được ly hôn với chị M;

Về con chung: Giao con chung cho anh T trực tiếp chăm sóc, giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi trưởng thành. Nguyên đơn không yêu cầu việc cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu nên không xem xét; nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] . Về tố tụng: Nguyên đơn anh T yêu cầu giải quyết về ly hôn, tranh chấp nuôi con với bị đơn chị M có đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã Đặng Sơn,

huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An theo quy định tại khoản 5 điều 28 và khoản 1 điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự, do vậy Tòa án nhân dân huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng.

Tòa án đã tiến hành Thông báo thụ lý vụ án, triệu tập bị đơn nhiều lần hợp lệ đến các buổi làm việc, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như phiên tòa nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do chính đáng, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung: Tại phiên tòa các đương sự đều vắng mặt nhưng quá trình thu thập chứng cứ giải quyết vụ án đã xác định được:

Về quan hệ tình cảm: Anh T và chị M kết hôn vào ngày 19/3/2014 trên cơ sở tự nguyện và có tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đặng Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An và không vi phạm các quy định về điều kiện kết hôn tại điều 8, điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Như vậy hôn nhân hợp pháp.

Anh Thành trình bày Sau khi cưới tình cảm vợ chồng bình thường. Một thời gian sau vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm. Đến giữa năm 2022 mâu thuẫn trở nên trầm trọng và sống ly thân từ đó đến nay.

Quá trình xác minh tại UBND xã Đặng Sơn đã cung cấp thông tin với nội dung đúng như lời khai của anh Thành về thời gian và điều kiện kết hôn, con chung. Phía chính quyền xã đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Xét, mặc dù không thu thập được lời khai của chị Mơ nhưng việc hai vợ chồng đã ly thân một thời gian dài (từ năm 2022 đến nay) là đã vi phạm nghĩa vụ sống chung, thương yêu, chăm sóc, quan tâm giúp đỡ nhau theo quy định tại điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên có cơ sở để khẳng định, hôn nhân giữa anh Thành và chị Mơ đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì thế cần áp dụng điều 56 Luật hôn nhân và gia đình 2014, xử cho anh T ly hôn chị M.

Về con chung: Theo anh Thành trình bày vợ chồng có 02 con chung là H, sinh ngày 22/9/2014 và cháu C, sinh ngày 14/12/2015. Hiện cháu Thanh Huyền và cháu Bảo Châu đang ở với anh Thành. Nay ly hôn anh Thành có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cả hai con chung và không yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con.

Xét, hiện cháu Thanh Huyền và cháu Bảo Châu đang ở với anh T, cháu Thanh Huyền và cháu Bảo Châu đều đã trên 7 tuổi và có nguyện vọng được ở với anh Thành, nguyện vọng của cháu Thanh Huyền và cháu Bảo Châu là chính

đáng, phù hợp với khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình 2014. Do vậy, cần chấp nhận nguyện vọng của con chung, giao con chung là cháu Thanh Huyền và cháu Bảo Châu cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc. Nguyên đơn không yêu cầu việc cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung, nghĩa vụ tài sản chung: Nguyên đơn không yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa không có kiến nghị gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự

Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Xử:

- *Về quan hệ tình cảm:* Cho anh T ly hôn chị M;

- *Về con chung:* Giao con chung H, sinh ngày 22/9/2014 và cháu C, sinh ngày 14/12/2015 cho anh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi trưởng thành. Chị M không phải cấp dưỡng cho anh T do anh T không yêu cầu.

Chị M có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Nếu chị Mơ lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì anh T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của chị M.

Anh T cùng các thành viên gia đình không được cản trở chị M trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- *Về tài sản chung, nghĩa vụ tài sản chung:* Không giải quyết.

- *Về án phí:* Anh T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0002823 ngày 30/01/2023 do Chi cục thi hành án dân sự huyện Đô Lương phát hành.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành

án dân sự có quyền thoả thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Đô Lương;
- UBND xã Đặng Sơn;
- CCTHADS huyện Đô Lương;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Văn Nguyễn